

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

ĐÀM TRUYỀN UYÊN LY

**HOÀN THIỆN HỆ THỐNG XẾP HẠNG
TÍN DỤNG NỘI BỘ TẠI NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

**Chuyên ngành : Quản trị kinh doanh
Mã số : 60.34.05**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2012

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. LÂM CHÍ DŨNG

Phản biện 1: TS. HỒ HỮU TIẾN

Phản biện 2: PGS.TS. NGUYỄN THỊ MÙI

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 18 tháng 02 năm 2012.

** Có thể tìm hiểu luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
- Thư viện trường Đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hoạt động tín dụng là hoạt động mang lại nguồn thu nhập chủ yếu đồng thời cũng là lĩnh vực có nhiều rủi ro nhất cho các ngân hàng thương mại. Chính vì vậy hoàn thiện các công cụ quản trị rủi ro tín dụng luôn là vấn đề quan trọng hàng đầu cần được giải quyết một cách rất ráo. XHTD khách hàng là một trong những công cụ quản trị rủi ro tín dụng một cách khoa học và hiệu quả mà các ngân hàng thương mại hiện nay đang triển khai áp dụng. Bản chất đều của Hệ thống XHTD nội bộ là nhằm đánh giá mức độ tín nhiệm, khả năng trả nợ trong tương lai của khách hàng dựa trên hệ thống xếp hạng.

Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của XHTD nội bộ, đồng thời để từng bước sử dụng các công cụ quản trị tín dụng phù hợp với thông lệ quốc tế, nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro tín dụng, BIDV đã xây dựng Hệ thống XHTD nội bộ để thực hiện XHTD làm cơ sở cho quyết định cấp tín dụng, thực hiện các chính sách khách hàng ... Hệ thống XHTD nội bộ của BIDV đã thể hiện rõ tầm quan trọng và ý nghĩa thực tiễn mặc dù vậy nó vẫn còn một số hạn chế nhất định. Hệ thống còn sử dụng chỉ tiêu chưa thực sự sát thực tế, quy trình xếp hạng còn thiếu tính khách quan, việc sử dụng kết quả hệ thống xếp hạng để áp dụng các chính sách khách hàng nhằm hạn chế tối đa rủi ro hoạt động tín dụng chưa triệt để...

Đây là những lý do tác giả chọn đề tài “Hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam” làm luận văn nghiên cứu thạc sỹ Tài chính Ngân hàng.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về rủi ro tín dụng, đo lường rủi ro tín dụng; Nghiên cứu về hệ thống XHTD của Việt Nam, của một số nước

tiêu biểu trên thế giới từ đó rút ra bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam.

- Nghiên cứu thực trạng hệ thống XHTD khách hàng doanh nghiệp của BIDV, đưa ra những mặt còn hạn chế, nguyên nhân những hạn chế của hệ thống xếp hạng.

- Kiến nghị các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống XHTD nội bộ hiện hành mà BIDV đang áp dụng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với khách hàng là tổ chức kinh tế.

4. Phương pháp nghiên cứu

Dựa vào lý thuyết chuyên ngành kinh tế Tài chính Ngân hàng, cùng với các phương pháp toán học, phương pháp logic, phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh và đối chiếu giữa hệ thống XHTD doanh nghiệp của các ngân hàng thương mại Việt Nam với kinh nghiệm của các nước và các tổ chức xếp hạng chuyên nghiệp để làm rõ những ưu điểm và hạn chế của hệ thống XHTD nội bộ của BIDV, qua đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả XHTD nội bộ doanh nghiệp của BIDV.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Trên cơ sở khái quát lý luận, nghiên cứu thực trạng hệ thống XHTD nội bộ BIDV, kinh nghiệm xếp hạng của các tổ chức khác trong và ngoài nước luận văn đã kiến nghị các giải pháp để hoàn thiện hệ thống xếp hạng, trên cơ sở đó đưa ra hệ thống xếp hạng doanh nghiệp mới. Đây là hệ thống xếp hạng theo luận văn khá hoàn thiện và đầy đủ, có thể thực hiện triển khai và áp dụng trong toàn hệ thống BIDV hoặc bất kỳ một tổ chức tín dụng nào.

6. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, mục lục, tài liệu tham khảo, danh mục các chữ viết tắt, kết cấu của luận văn bao gồm 3 chương :

Chương 1: Tổng quan về hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của Ngân hàng.

Chương 2: Thực trạng xếp hạng tín dụng doanh nghiệp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng doanh nghiệp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG XẾP HẠNG TÍN DỤNG NỘI BỘ CỦA NGÂN HÀNG

1.1. TÍN DỤNG NGÂN HÀNG VÀ RỦI RO TÍN DỤNG

1.1.1. Tín dụng

1.1.1.1. Khái niệm tín dụng

1.1.1.2 . Các nguyên tắc tín dụng ngân hàng

- Khách hàng cam kết hoàn trả vốn (gốc) và lãi với thời gian xác định

- Khách hàng cam kết sử dụng tín dụng đúng mục đích, không trái với các quy định của pháp luật.

- Ngân hàng tài trợ dựa trên các phương án/dự án có hiệu quả.

1.1.2. Rủi ro tín dụng

1.1.2.1 Khái niệm rủi ro tín dụng

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 “Rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết”.

1.1.2.2. Dấu hiệu của rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng có thể đề phòng, hạn chế chứ không thể loại trừ. Rủi ro tín dụng thường có những biểu hiện cơ bản như: Chất lượng tín dụng suy giảm; tình hình tài chính, phương án kinh doanh, môi trường kinh doanh thay đổi theo chiều hướng xấu; tài sản đảm bảo tiền vay thay đổi theo chiều hướng xấu; doanh nghiệp sụt hạng trong xếp hạng tín dụng; và tính đa dạng hoá trong tài sản của ngân hàng hạn chế.

1.1.2.3 Hậu quả của rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng đem đến hậu quả xấu ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của bản thân ngân hàng đồng thời ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế

1.1.3. Đo lường rủi ro tín dụng

1.1.3.1. Khái niệm và ý nghĩa

Đo lường rủi ro (Risk Measurement) nói chung là công việc xác định các nhân tố (biến số) ảnh hưởng đến một loại rủi ro nhất định hoặc/và cách thức xác định mức độ tổn thất của một loại rủi ro đặc thù.

Đo lường rủi ro tín dụng, nói riêng, là việc sử dụng các phương pháp phù hợp, tin cậy nhất định để xác định khả năng phát sinh rủi ro tín dụng của người vay và các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng đó.

Đo lường rủi ro tín dụng nhằm: Sàng lọc người vay; xác định phí rủi ro; xác định tỷ lệ cho vay và giới hạn các cam kết cho vay; yêu cầu về tài sản bảo đảm; các điều khoản hợp đồng, đặc biệt là các điều khoản hạn chế (Covenants); đa dạng hoá hợp lý danh mục cho vay; giám sát người vay.

1.1.3.2. Các mô hình đo lường rủi ro tín dụng

Các mô hình đo lường rủi ro tín dụng được phát triển theo 2 hướng: Đo lường rủi ro tín dụng riêng biệt và Đo lường rủi ro danh mục cho vay.

Theo Basel 2 có hai phương pháp tiếp cận để tính toán rủi ro tín dụng của ngân hàng. Đo lường theo phương pháp tiếp cận chuẩn hoá được hỗ trợ bởi các đánh giá bên ngoài về tín dụng và đo lường bằng sử dụng hệ thống đánh giá xếp hạng tín dụng nội bộ.

Việc đo lường rủi ro theo phương pháp XHTD nội bộ phù hợp với thông lệ hiện nay trên thế giới. XHTD được minh chứng là một trong những công cụ hữu hiệu, đáp ứng khá tốt các yêu cầu đòi hỏi về một hệ thống cảnh báo, nhận diện, đo lường rủi ro tín dụng.

1.2. XHTD NỘI BỘ CỦA NGÂN HÀNG VỀ DOANH NGHIỆP VAY VỐN

1.2.1. Định nghĩa xếp hạng tín dụng

XHTD doanh nghiệp là đánh giá năng lực tài chính, tình hình hoạt động hiện tại và triển vọng phát triển trong tương lai của doanh nghiệp được xếp hạng từ đó xác định được mức độ rủi ro không trả được nợ và khả năng trả nợ trong tương lai.

1.2.2. Xếp hạng tín dụng doanh nghiệp vay vốn

XHTD khách hàng vay vốn của ngân hàng thương mại là việc ngân hàng thương mại sử dụng hệ thống XHTD nội bộ của mình để đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng vay, mức độ rủi ro của khoản vay, làm cơ sở để đưa ra quyết định cấp tín dụng, quản lý rủi ro, xây dựng các chính sách khách hàng đối với từng hạng khách hàng theo kết quả xếp hạng cho phù hợp. Ngoài ra XHTD khách hàng còn nhằm mục đích phân loại và giám sát danh mục tín dụng.

1.2.3. Sự cần thiết phải xếp hạng tín dụng doanh nghiệp trong hoạt động tín dụng ngân hàng

1.2.3.1. Đối với ngân hàng

XHTD doanh nghiệp giúp hạn chế rủi ro tín dụng, đảm bảo yêu cầu lựa chọn, sàng lọc khách hàng cấp tín dụng, là căn cứ phân loại nợ và trích dự phòng rủi ro, đồng thời là căn cứ xây dựng chính sách khách hàng.

1.2.3.2. Đối với chính phủ, thị trường tài chính

XHTD cung cấp thông tin cho thị trường, xóa tan khoảng tối về thông tin, giúp thị trường tài chính minh bạch, nâng cao hiệu quả giám sát thị trường của Chính phủ.

1.2.3.3. Đối với doanh nghiệp được xếp hạng

Thông tin XHTD quảng bá thương hiệu, nâng cao niềm tin của nhà đầu tư vào doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có điều kiện mở rộng thị trường vốn, giảm lệ thuộc vào vốn vay NH.

1.3. NGUYÊN TẮC VÀ CÁC CHỈ TIÊU XHTD DN.

1.3.1. Nguyên tắc xếp hạng tín dụng.

- Phân tích các yếu tố định tính và định lượng.
- Việc phân tích được tiến hành bằng phương pháp “trên xuống”.
- Xây dựng thang điểm các chỉ tiêu đơn giản, dễ so sánh.

1.3.2. Các chỉ tiêu thường dùng để XHTD doanh nghiệp.

Việc XHTD doanh nghiệp thường được căn cứ vào các chỉ tiêu tài chính và chỉ tiêu phi tài chính của doanh nghiệp.

1.3.2.1. Các chỉ tiêu tài chính

Đây là các chỉ tiêu định lượng, được lấy trực tiếp hoặc kết quả tính toán dựa trên các báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Các chỉ tiêu này thông thường bao gồm: Các tỷ số khả năng thanh toán, các chỉ số phản ánh hiệu suất sử dụng vốn sản xuất kinh doanh, các tỷ số phản ánh kết cấu tài chính, các tỷ số phản ánh khả năng sinh lời.

1.3.2.2. Các chỉ tiêu (tiêu chí) phi tài chính

Đây là các chỉ tiêu định tính được thu thập từ nhiều nguồn, cả bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, nó thường gồm các nhóm tiêu chí về lĩnh vực hoạt động kinh doanh, uy tín trong quan hệ với các tổ chức tín dụng, khả năng trả nợ từ lưu chuyển tiền tệ, trình độ quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp và một số các chỉ tiêu khác.

1.4. ĐIỀU KIỆN TIỀN ĐỀ CHO VIỆC XHTD

1.4.1. Đối với tổ chức xếp hạng

1.4.2. Đối với đơn vị được xếp hạng

1.5. NHỮNG ĐIỂM CƠ BẢN VỀ XHTD TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

1.5.1. Sơ lược XHTD trên thế giới

1.5.1.1. Xếp hạng tín dụng tại Mỹ

1.5.1.2. Xếp hạng tín dụng tại Nhật Bản

1.5.1.3. Xếp hạng tín dụng tại Thái Lan

1.5.1.4. Xếp hạng tín dụng tại Malaysia

1.5.2. Bài học kinh nghiệm về XHTD DN cho Việt Nam

1.5.2.1. Tổng quan về XHTD DN tại VN

Tại Việt Nam có các tổ chức thực hiện XHTD DN là Trung tâm Thông tin Tín dụng của Ngân hàng Nhà nước (CIC), các doanh nghiệp kinh doanh thông tin tín dụng và các ngân hàng thương mại.

1.5.2.2. Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

Từ những hiểu biết về XHTD trên thế giới cũng như thực trạng về XHTD tại Việt Nam, bài học kinh nghiệm được rút ra là: Các NHTM cần xây dựng hệ thống XHTD của riêng mình, Việt Nam cần thiết phải xây dựng tổ chức XHTD độc lập, xây dựng một hệ thống đánh giá gồm đầy đủ các chỉ tiêu, các tổ chức, cá nhân cần tham khảo kết quả xếp hạng để quyết định đầu tư.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG XHTD DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

2.1. ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA BIDV ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC XẾP HẠNG TÍN DỤNG

2.1.1. Giới thiệu quá trình hình thành và phát triển của BIDV

2.1.1.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) được thành lập theo nghị định số 177/TTg ngày 26/4/1957 của Thủ tướng CP.

2.1.1.2. Cơ cấu tổ chức

- Hội sở chính.
- Chi nhánh cấp tỉnh, thành phố: Trực tiếp hoạt động kinh doanh NH, hạch toán phụ thuộc. Tại chi nhánh các phòng ban được phân chia theo các khối: Khối QHKKH, Khối tác nghiệp và Khối hỗ trợ.

2.1.2. Tình hình hoạt động của BIDV

2.1.2.1. Tình hình tài chính và quả hoạt động kinh doanh

Từ năm 2006 đến cuối năm 2010 chỉ tiêu Tổng tài sản tăng gấp 2,2 lần, Vốn Chủ sở hữu tăng gấp 3,2 lần, Lợi nhuận trước thuế tăng gấp 4,1 lần.

2.1.2.2. Tình hình hoạt động tín dụng

Tốc độ tăng trưởng tín dụng bình quân của BIDV mỗi năm khá cao (khoảng 25%), tỷ lệ nợ xấu bình quân 2,5% và ngày càng giảm.

2.1.2.3. Cơ cấu thu nhập từ hoạt động ngân hàng

Cơ cấu thu nhập thuần của BIDV bao gồm: Thu lãi 77,4%, thu từ dịch vụ 17,5%, từ kinh doanh ngoại hối 2,8%, từ góp vốn 1%, thu khác 1,3%.

Từ cơ cấu nguồn thu nhập trên BIDV đã đặc biệt chú trọng công tác phòng ngừa và nhận diện rủi ro tín dụng. BIDV đã triển khai

xây dựng Hệ thống XHTD nội bộ phù hợp với chuẩn mực quốc tế được Ngân hàng nhà nước công nhận và cho phép áp dụng.

2.2. THỰC TRẠNG XHTD DOANH NGHIỆP TẠI BIDV

2.2.1. Tổng quan

2.2.1.1. Mục đích xếp hạng

- Phân loại và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại Điều 7 Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN

- Phục vụ quản lý chất lượng tín dụng toàn Hệ thống.

- Phục vụ quản lý chất lượng tín dụng tại các chi nhánh.

2.2.1.2. Căn cứ xếp hạng

Căn cứ vào hồ sơ pháp lý, báo cáo tài chính, các thông tin bên trong và bên ngoài của doanh nghiệp được xếp hạng.

2.2.1.3. Phương pháp xếp hạng

BIDV sử dụng phương pháp chấm điểm các nhóm chỉ tiêu tài chính và phi tài chính của từng khách hàng để xếp hạng khách hàng.

- Nguyên tắc chấm điểm:

Một chỉ tiêu tài chính hoặc phi tài chính sẽ có 5 khoảng giá trị là 5 mức điểm: 20, 40, 60, 80, 100 (điểm ban đầu).

Tùy theo mức độ quan trọng, giữa các chỉ tiêu và nhóm các chỉ tiêu sẽ có trọng số khác nhau. Điểm dùng để tổng hợp xếp hạng khách hàng là tích số giữa điểm ban đầu và trọng số.

- Mức xếp hạng: Căn cứ vào tổng số điểm đạt được, khách hàng được phân loại vào một trong các mức xếp hạng sau: AAA, AA, A, BBB, BB, B, CCC, CC, C, D.

2.2.2. Vận hành hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ

2.2.2.1. Mô hình chấm điểm và xếp hạng

2.2.2.2. Các bước thực hiện

Bước 1: Xác định ngành kinh tế.

Mỗi ngành kinh tế khác nhau thì tiêu chuẩn đánh giá tốt xấu về các chỉ tiêu tài chính là khác nhau. BIDV chia doanh nghiệp theo ngành nghề kinh tế làm 4 nhóm cơ bản: Ngành thương mại dịch vụ; Ngành xây dựng; Ngành công nghiệp; Ngành Nông lâm ngư nghiệp.

Bước 2: Xác định quy mô.

Trong cùng một ngành kinh tế, các chỉ tiêu tài chính tốt xấu cũng bị ảnh hưởng rất lớn bởi quy mô hoạt động của doanh nghiệp do vậy căn cứ vào quy mô vốn chủ sở hữu, doanh thu thuần, số lượng lao động và tổng dư nợ vay của khách hàng BIDV phân khách hàng doanh nghiệp thành 3 nhóm quy mô lớn, vừa và nhỏ.

Bước 3: Chấm điểm các chỉ tiêu tài chính.

Thông tin tài chính gồm 14 chỉ tiêu chia làm 4 nhóm: Nhóm chỉ tiêu thanh khoản (3 chỉ tiêu): Khả năng thanh toán hiện hành, khả năng thanh toán nhanh, khả năng thanh toán tức thời; Nhóm chỉ tiêu hoạt động (4 chỉ tiêu): Vòng quay vốn lưu động, vòng quay hàng tồn kho, vòng quay các khoản phải thu, hiệu suất sử dụng tài sản cố định; Nhóm chỉ tiêu cân nợ (2 chỉ tiêu): Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản, Nợ dài hạn/ Vốn chủ sở hữu; Nhóm chỉ tiêu thu nhập (5 chỉ tiêu): Lợi nhuận gộp/ Doanh thu thuần, Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần, Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân, Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân, (Lợi nhuận trước thuế và Chi phí lãi vay)/ Chi phí

Sau khi tính toán các chỉ tiêu tài chính, đối chiếu với điểm chuẩn quy định theo các bảng điểm phân theo ngành nghề kinh tế, quy mô doanh nghiệp để tính điểm tuyệt đối của từng chỉ tiêu tài chính.

Căn cứ vào mức độ quan trọng của từng chỉ tiêu tài chính BIDV xây dựng tỷ trọng điểm số cụ thể cho từng chỉ tiêu.

Điểm từng chỉ tiêu tài chính được nhân với tỷ trọng điểm số.

Bước 4: Chấm điểm các chỉ tiêu phi tài chính

Thông tin phi tài chính gồm 40 chỉ tiêu được xếp thành 5 nhóm: Khả năng trả nợ từ lưu chuyển tiền tệ (2 chỉ tiêu); Trình độ quản lý và môi trường nội bộ (9 chỉ tiêu); Quan hệ với Ngân hàng (11 chỉ tiêu); Các nhân tố bên ngoài (7 chỉ tiêu); Các đặc điểm hoạt động khác (11 chỉ tiêu).

Căn cứ vào mức độ quan trọng của từng chỉ tiêu mà BIDV xây dựng tỷ trọng điểm số cụ thể cho từng chỉ tiêu phi tài chính.

Điểm từng chỉ tiêu phi tài chính được nhân với tỷ trọng điểm số.

Bước 5: Tổng hợp điểm và xếp hạng

*** Tổng hợp điểm**

Điểm của KH = Điểm các chỉ tiêu tài chính * Trọng số phần tài chính + Điểm các chỉ tiêu phi tài chính * Trọng số phần phi tài chính

Trong đó Trọng số của phần tài chính và phi tài chính phụ thuộc vào Báo cáo tài chính của khách hàng có được kiểm toán hay không được kiểm toán. Cụ thể

	BCTC được kiểm toán	BCTC không được kiểm toán
Các chỉ tiêu tài chính	35%	30%
Các chỉ tiêu phi tài chính	65%	65%

*** Xếp hạng tín dụng khách hàng**

- Dựa trên điểm đạt được, Hệ thống XHTD nội bộ BIDV phân chia khách hàng vào một trong 10 nhóm từ AAA, AA...D theo thang điểm.

- Một số trường hợp được xếp ngay vào nhóm khách hàng có rủi ro cao nhất (Nhóm D) là các khách hàng đã được BIDV xử lý nợ bằng

quỹ dự phòng rủi ro và các khách hàng bị âm VCSH, kinh doanh tiếp tục thua lỗ trong năm tài chính gần nhất.

2.2.2.3. Ví dụ minh họa XHTD một doanh nghiệp.

2.2.3. So sánh Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ BIDV với hệ thống xếp hạng tín dụng ở một số tổ chức khác

2.2.3.1. Với Ngân hàng Công thương Việt Nam (Vietinbank)

Về cơ bản Hệ thống XHTD nội bộ của Ngân hàng Công thương tương đồng với hệ thống XHTD nội bộ của BIDV.

2.2.3.2. Với ngân hàng nhà nước Việt Nam (Trung tâm CIC)

So với CIC hệ thống XHTD nội bộ của BIDV thì các chỉ tiêu tài chính sử dụng khi XHTD phức tạp hơn, chi tiết hơn; Các chỉ tiêu phi tài chính thì hệ thống CIC không xem xét.

2.2.4. Sử dụng kết quả XHTD doanh nghiệp tại BIDV

Sử dụng kết quả XHTD doanh nghiệp là nội dung quan trọng trong Hệ thống XHTD DN của BIDV.

2.2.4.1. Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro.

Căn cứ Điều 7 quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, BIDV sử dụng kết quả XHTD doanh nghiệp để phân loại nợ (5 nhóm nợ) trích lập dự phòng rủi ro. Theo hệ thống các khách hàng xếp hạng AAA, AA, A phân loại nợ nhóm 1, khách hàng xếp hạng BBB, BB phân loại nợ nhóm 2, khách hàng xếp hạng B, CCC, CC phân loại nợ nhóm 3, khách hàng xếp hạng C phân loại nợ nhóm 4, khách hàng xếp hạng D phân loại nợ nhóm 5.

2.2.4.2. Ban hành chính sách cấp tín dụng.

Căn cứ vào kết quả XHTD doanh nghiệp, BIDV ban hành chính sách cấp tín dụng cho các doanh nghiệp thuộc hệ thống XHTD doanh nghiệp bao gồm ba chính sách lớn: *Chính sách tiếp thị khách hàng, chính sách về cấp tín dụng, Chính sách về tài sản bảo đảm.*

2.3. ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG XHTD KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

2.3.1. Kết quả đạt được

Hệ thống XHTD nội bộ BIDV đã đạt được những kết quả rất tốt “ngoài mong đợi”.

2.3.1.1. Nâng cao chất lượng tín dụng, chất lượng khách hàng doanh nghiệp quan hệ với BIDV.

Chất lượng tín dụng của BIDV sau khi áp dụng hệ thống XHTD đã được nâng cao. Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đã chọn lọc có hiệu quả các khách hàng quan hệ tín dụng theo hướng: khách hàng được xếp hạng cao phát triển, duy trì khách hàng có kết quả xếp hạng trung bình và hạn chế, giảm dần quan hệ tín dụng với các khách hàng xếp hạng yếu kém.

2.3.1.2. Nâng cao khả năng phòng ngừa rủi ro tín dụng.

Với hệ thống XHTD DN việc phòng ngừa rủi ro tín dụng của BIDV được nâng lên. Hàng quý BIDV thực hiện xếp hạng tín dụng lại khách hàng từ đó đưa ra cách ứng xử thích hợp, phòng ngừa rủi ro.

2.3.1.3. Dựa vào kết quả XHTD để quyết định cấp tín dụng

2.3.1.4. Đưa ra chính sách khách hàng trên cơ sở của XHTD

Căn cứ loại XHTD của từng KH để có CSKH phù hợp.

2.3.1.5. Hỗ trợ quyết định cho vay trở nên nhanh chóng

Kết quả XHTD có thể hỗ trợ quyết định cho vay hay từ chối.

2.3.1.6. Phương pháp xếp hạng đơn giản, dễ thực hiện và áp dụng

2.3.1.7. Phương pháp xếp hạng đã bao gồm nhiều chỉ tiêu quan trọng

2.3.1.8. Tính và trích dự phòng rủi ro

2.3.2. Những mặt còn hạn chế

2.3.2.1. Chỉ tiêu để đánh giá xếp hạng chưa phù hợp

Để xác định quy mô doanh nghiệp hệ thống sử dụng các chỉ tiêu : Vốn chủ sở hữu, Số lượng lao động, Doanh thu thuần và Tổng dư nợ tín dụng thì chỉ tiêu Tổng dư nợ tín dụng sử dụng là không phù hợp.

2.3.2.2. Quy trình xếp hạng chưa rõ ràng

Việc XHTD khách hàng tại BIDV là do CB QHKH thực hiện toàn bộ, dẫn đến kết quả xếp hạng phụ thuộc nhiều vào ý chủ quan của CB QHKH, kết quả xếp hạng có thể không thực sự chính xác, khách quan.

2.3.2.3. Đối tượng xếp hạng chưa phù hợp

Hiện nay rất nhiều các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, các thông tin phản ánh trên các báo cáo tài chính thiếu chính xác.

2.3.2.4 Chính sách khách hàng sau khi xếp hạng tín dụng nội bộ được áp dụng chưa triệt để

Hệ thống đã áp dụng các chính sách khách hàng về tài sản đảm bảo, chính sách cấp tín dụng, chính sách khách hàng mới tuy nhiên còn một số điểm thiếu hợp lý, chưa có chính sách rõ ràng về lãi suất tiền vay.

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế.

2.3.3.1. Nguyên nhân khách quan.

Để có thể chấm điểm khách hàng chính xác đòi hỏi phải có đầy đủ thông tin chính xác tuy nhiên thông tin phục vụ cho xếp hạng không đầy đủ. Thêm vào đó thị trường chưa có nhiều tổ chức XHTD để có thể cung cấp kết quả cho ngân hàng tham khảo.

2.3.3.2. Nguyên nhân chủ quan.

Một số nguyên nhân chủ quan có thể kể đến như sau: Nhận thức về XHTD của CB chưa cao, Trình độ cán bộ QHKH chưa đồng đều, Ngân hàng chưa có cơ sở dữ liệu riêng phục vụ công tác XHTD, Nhiều trường hợp xếp hạng chỉ mang tính hình thức.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HỆ THỐNG XHTD DOANH NGHIỆP TẠI BIDV

3.1. ĐỊNH HƯỚNG CỦA BIDV TRONG THỜI GIAN TỚI

3.1.1. Các định hướng cơ bản

Xây dựng ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam trở thành tập đoàn tài chính ngân hàng đa sở hữu, kinh doanh đa dạng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, hoạt động theo thông lệ quốc tế, chất lượng và hiệu quả hàng đầu trong các định chế tài chính Việt Nam.

3.1.1.1. Định hướng về tín dụng

Xây dựng nền khách hàng vững chắc, phát triển tín dụng tiêu dùng, tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ; nâng cao chất lượng tín dụng, giảm tỷ lệ nợ xấu xuống mức thông lệ, thực hiện tốt phân loại nợ xấu và trích dự phòng rủi ro tín dụng.

3.1.1.2. Định hướng về nguồn vốn

Đáp ứng đủ vốn cho nhu cầu tín dụng và đầu tư, đẩy mạnh kinh doanh vốn thu lợi nhuận; đảm bảo an toàn vốn, tăng cường huy động vốn trung dài hạn.

3.1.1.3. Định hướng về dịch vụ

Phát triển dịch vụ để tăng tỷ trọng thu dịch vụ trong tổng thu. Gắn tăng trưởng dịch vụ với công nghệ hiện đại.

3.1.2. Các chỉ tiêu cơ bản giai đoạn 2011- 2015

- Tăng trưởng bình quân Tổng tài sản 21% - 23%/năm
- Tăng trưởng bình quân Tổng dư nợ tín dụng 20% - 22%/năm
- ROA đạt khoảng từ 1,1 - 1,3%
- ROE đạt khoảng từ 17 -20%

3.1.3. Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ

Hệ thống XHTD tiếp tục được áp dụng nâng cao hiệu quả đảm bảo đánh giá chính xác chất lượng khách hàng là doanh nghiệp, là cá nhân, là tổ chức tín dụng. Nâng cao hiệu quả sử dụng kết quả xếp hạng tín dụng doanh nghiệp từ đó đưa ra các chính sách khách hàng chi tiết, cụ thể. Tăng khả năng cạnh tranh cũng như đảm bảo an toàn trong hoạt động tín dụng.

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HỆ THỐNG XHTD

3.2.1. Giải pháp về quản trị điều hành

3.2.1.1. Nâng cao nhận thức về XHTD

CB BIDV cần phải nhận thức rõ hơn về ý nghĩa, vai trò, tác dụng của hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ. Để thực hiện điều này BIDV cần tăng cường bồi dưỡng, đào tạo, cập nhật kiến thức, nâng cao nhận thức cho các cán bộ có liên quan đến việc xếp hạng tín dụng.

3.2.1.2. Xây dựng hệ thống thông tin riêng của BIDV

BIDV có thể mạnh là có hệ thống chi nhánh rải đều khắp toàn quốc. BIDV cần thành lập hệ thống thông tin trung tâm, các Chi nhánh phải có nghĩa vụ báo cáo định kỳ thông tin về các doanh nghiệp đang quan hệ tại chi nhánh về trung tâm lưu trữ. Khi cần thông tin, các chi nhánh truy cập hệ thống tra cứu thông tin.

3.2.1.3. Tăng cường công tác giáo dục, đào tạo cán bộ

Chất lượng cán bộ thực hiện XHTD sẽ quyết định chất lượng kết quả xếp hạng, chính vì vậy để kết quả xếp hạng phản ánh đúng thực chất tình hình doanh nghiệp, BIDV phải tăng cường công tác giáo dục đào tạo cán bộ về chuyên môn cũng như đạo đức nghề nghiệp.

3.2.1.4. Bố trí cán bộ, phòng ban thực hiện công tác xếp hạng tín dụng phù hợp, đảm bảo khách quan

Với cách phân công công việc và quy trình xếp hạng tín dụng nội bộ hiện nay tại BIDV, CB QHKH là người trực tiếp quan hệ với khách hàng trong việc thu thập thông tin, đàm phán, hướng dẫn khách hàng đến khi lập hồ sơ, trình duyệt cho vay, là người trực tiếp chấm điểm xếp hạng tín dụng thì kết quả xếp hạng tín dụng hoàn toàn có thể bị thay đổi theo hướng chủ quan, tiêu cực (nếu có) của CB QHKH vì vậy cần thay đổi theo hướng nhiều CB thuộc các phòng cùng tham gia XHTD.

3.2.1.5. Đẩy mạnh thực thi XHTD trong hoạt động tín dụng

BIDV phải kiên quyết hơn trong việc áp dụng và thực thi hệ thống xếp hạng tín dụng khách hàng. Để thực hiện được điều này BIDV có thể thường xuyên kiểm tra việc áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng tại các chi nhánh trong hoạt động tín dụng, khi phát hiện ra những sai phạm phải kiên quyết xử lý.

3.2.1.6. Định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra thực hiện XHTD

Tác dụng của kiểm tra là nhằm ngăn ngừa những sai sót dù là vô tình hay cố ý có thể xảy ra, nhằm phát hiện những sai sót để sửa chữa, khắc phục kịp thời

3.2.2. Các giải pháp hoàn thiện phương pháp xếp hạng

3.2.2.1. Thay đổi chỉ tiêu đánh giá phù hợp

Để xác định quy mô của doanh nghiệp hệ thống sử dụng chỉ tiêu: Vốn chủ sở hữu, Số lượng lao động, Doanh thu thuần, Tổng dư nợ tín dụng thì chỉ tiêu tổng dư nợ tín dụng là không phù hợp. Để đánh giá quy mô doanh nghiệp ta sử dụng chỉ tiêu Tổng tài sản thay cho Tổng dư nợ tín dụng.

Hiện tại khi xác định quy mô doanh nghiệp hệ thống đưa ra tiêu chuẩn định lượng chấm điểm hoàn toàn như nhau đối với các nhóm ngành kinh tế như vậy là thiếu sát thực. Thực tế các ngành kinh

tế khác nhau thì các yếu tố để xem xét quy mô doanh nghiệp về Vốn chủ sở hữu, Số lượng lao động, Doanh thu thuần, Tổng tài sản trong hoạt động là khác nhau.

3.2.2.2. Quy trình xếp hạng

a. Mô hình.

Mô hình quy trình cần bổ sung các bước xếp hạng từ 5 bước thành 6 bước. Bước bổ sung là bước xác định loại hình sở hữu của khách hàng. Căn cứ vào quyền sở hữu, khách hàng được chia làm các loại đặc trưng: Khách hàng là doanh nghiệp nhà nước; Khách hàng là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Khách hàng thuộc loại Doanh nghiệp khác.

b. Các bước thực hiện.

Bước 1: Xác định ngành nghề kinh tế. Thực hiện như hiện nay vẫn làm.

Bước 2: Xác định quy mô. Việc xác định quy mô hoạt động của doanh nghiệp phụ thuộc vào ngành kinh tế mà doanh nghiệp hoạt động cũng như dựa vào chấm điểm của các chỉ tiêu: Vốn chủ sở hữu, Số lượng lao động, Doanh thu thuần, Tổng tài sản.

Mỗi chỉ tiêu có 10 khoảng giá trị chuẩn tương ứng là thang điểm từ 1 -10 điểm. Tổng hợp điểm của 4 chỉ tiêu sẽ được dùng để xác định quy mô của khách hàng theo nguyên tắc: Khách hàng có tổng hợp điểm càng lớn thì quy mô của khách hàng càng lớn. Trong hệ thống này quy mô của khách hàng cũng được chia làm ba loại:

- Khách hàng có quy mô lớn: Có tổng điểm đạt được từ 30 điểm đến 40 điểm
- Khách hàng có quy mô vừa: Có tổng điểm đạt được từ 16 điểm đến 29 điểm
- Khách hàng có quy mô nhỏ: Có tổng điểm đạt được dưới 16

điểm

Bước 3: Xác định loại hình sở hữu của khách hàng.

- Căn cứ vào đối tượng sở hữu, khách hàng được chia thành các loại khác nhau: Khách hàng là doanh nghiệp nhà nước, Khách hàng là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Khách hàng khác.

- Trong mỗi loại khách hàng quy định cách chấm điểm riêng các chỉ tiêu phi tài chính.

Xác định loại hình sở hữu của khách hàng nhằm mục đích phân biệt trọng số của các nhóm chỉ tiêu phi tài chính của khách hàng thuộc loại hình doanh nghiệp khác nhau.

S T T	CÁC CHỈ TIÊU	DNN N	DN CÓ VỐN ĐẦU TU NƯỚC NGOÀI	DN KHÁC
1	Khả năng trả nợ từ lưu chuyển tiền tệ	6%	7%	5%
2	Trình độ quản lý	28%	26%	28%
3	Quan hệ với ngân hàng	37%	37%	37%
4	Các nhân tố bên ngoài	10%	10%	11%
5	Các đặc điểm hoạt động	19%	20%	19%
CỘNG		100%	100%	100%

Bước 4: Chấm điểm các chỉ tiêu tài chính.

Các chỉ tiêu tài chính xác định theo Hệ thống xếp hạng tín dụng hiện hành khá chính xác, sát thực. Bộ giá trị của từng chỉ tiêu phụ thuộc vào quy mô của doanh nghiệp (lớn, trung bình, nhỏ)

Bước 5: Chấm điểm các chỉ tiêu phi tài chính.

Căn cứ vào loại hình sở hữu của khách hàng để xác định

trọng số của các chỉ tiêu phi tài chính như đã trình bày ở Bước 3. Các chỉ tiêu phi tài chính được tính điểm như hiện tại đang thực hiện. Các chỉ tiêu phi tài chính được chia làm 5 nhóm chỉ tiêu, tỷ trọng các chỉ tiêu phụ thuộc vào loại hình sở hữu doanh nghiệp.

Bước 6: Tổng hợp điểm và xếp hạng:

Thực hiện như hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của BIDV hiện hành.

c. Các quy định về thực hiện xếp hạng tín dụng

- Bộ phận chấm điểm và xếp hạng: Rủi ro do yếu tố chủ quan trong xếp hạng tín dụng là rất lớn. Theo như phân công nhiệm vụ hiện tại thì người chịu trách nhiệm thu thập thông tin khách hàng, tiếp xúc với khách hàng, cũng như đề xuất cấp tín dụng là cán bộ quan hệ khách hàng, cán bộ quan hệ khách hàng cũng chính là người trực tiếp chấm điểm, phân loại khách hàng, điều này dẫn đến kết quả xếp hạng tín dụng dễ mắc những sai sót chủ quan, tiêu cực của cán bộ quan hệ khách hàng. Để hạn chế rủi ro này người chịu trách nhiệm chấm điểm và xếp hạng khách hàng cần phải do hai cán bộ ở hai phòng khác nhau:

+ CB QHKH: Là người trực tiếp làm việc với khách hàng thu thập thông tin chịu trách nhiệm chấm điểm các chỉ tiêu phi tài chính.

+ CB QTRR: Là người không trực tiếp làm việc với khách hàng, chỉ thẩm định khách hàng căn cứ trên hồ sơ sẽ làm nhiệm vụ tính các chỉ tiêu tài chính. CB QTRR cũng làm nhiệm vụ tập hợp điểm và XHTD khách hàng.

- Trưởng phòng QHKH và QLRR chịu trách nhiệm kiểm soát việc chấm điểm và phân loại khách hàng do cán bộ thuộc phòng mình thực hiện.

- Giám đốc, Hội đồng tín dụng chi nhánh phê duyệt kết quả

chấm điểm, XHTD doanh nghiệp và ra quyết định kết quả cuối cùng.

3.2.2.3. Nâng cao chất lượng sử dụng kết quả XHTD doanh nghiệp tại BIDV

Kết quả xếp hạng tín dụng doanh nghiệp ngoài các mục tiêu mang tính quản trị rủi ro tín dụng thì còn vì mục tiêu rất lớn nữa đó là làm căn cứ thực thi triệt để các chính sách cấp tín dụng. Sử dụng kết quả XHTD doanh nghiệp là nội dung rất quan trọng được xác định, xây dựng trong hệ thống XHTD doanh nghiệp tại BIDV. BIDV cần xây dựng bổ sung các chính sách về định giá khoản vay cũng như kiện toàn các chính sách khách hàng hiện nay đang áp dụng.

a. Chính sách chung áp dụng đối với khách hàng

Khách hàng doanh nghiệp đã, đang và sẽ có quan hệ tín dụng tại BIDV sẽ được BIDV áp dụng tổng thể bốn (4) chính sách:

- (1) Chính sách tiếp thị khách hàng;
- (2) Chính sách về cấp tín dụng;
- (3) Chính sách về tài sản bảo đảm;
- (4) Chính sách về định giá.

b. Chính sách theo nhóm khách hàng

Xây dựng chính sách khách hàng chi tiết cho 10 nhóm khách hàng từ AAA, AA...D.

3.3. KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC

3.3.1. Xây dựng tổ chức xếp hạng tín dụng độc lập

Từ kinh nghiệm của các nước có nền kinh tế thị trường cho thấy các quốc gia thường xây dựng một tổ chức định mức tín dụng độc lập, không do nhà nước quản lý, thuộc sở hữu của các cổ đông để XHTD của các tổ chức. Việc hình thành một tổ chức như thế này có vai trò rất to lớn trong việc minh bạch hoá thông tin nền kinh tế.

Học tập kinh nghiệm của các nước có nền kinh tế thị

trường, Việt Nam cũng cần phải xây dựng tổ chức XHTD độc lập, có uy tín để thực hiện đánh giá tín dụng các doanh nghiệp. Tổ chức XHTD độc lập này hoạt động theo mô hình là một doanh nghiệp cổ phần, không một tổ chức hay cá nhân nào có thể chi phối, điều này sẽ làm cho kết quả XHTD trở nên khách quan hơn, từ đó sẽ tạo được niềm tin với người sử dụng.

3.3.2. Tạo môi trường cho hoạt động kinh doanh tín dụng phát triển

Ngày nay vấn đề tìm hiểu và thẩm định khách hàng đã trở thành một nhu cầu không thể thiếu trong nền kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế đòi hỏi phải có sự minh bạch hoá cao về thông tin doanh nghiệp. Chính vì vậy trong thời gian tới cần phải ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, tạo cơ chế, môi trường cho hoạt động kinh doanh thông tin tín dụng phát triển.

3.3.3. Nâng cao chất lượng thông tin tín dụng của CIC

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có lợi thế là được các ngân hàng thương mại cung cấp đầu đủ các tài liệu nên có điều kiện để đánh giá tín dụng khách hàng chính xác. Trong thời gian tới đòi hỏi CIC phải được cải tiến nhiều theo hướng: Cung cấp thông tin nhanh chóng; nguồn thông tin cập nhật, chính xác; ngoài các thông tin tài chính thông tin cần bổ sung các chỉ tiêu phi tài chính.

3.3.4. Xây dựng hệ thống dữ liệu để cung cấp thông tin doanh nghiệp nhanh chóng, đầy đủ, chính xác

Để minh bạch hoá thông tin kinh tế, tạo nguồn thông tin cung cấp công khai cho các đối tượng có nhu cầu đòi hỏi nhà nước xây dựng một hệ thống cung cấp thông tin nhanh chóng, đầy đủ chính xác.

3.4. VÍ DỤ MINH HỌA XHTD MỘT DOANH NGHIỆP THEO HỆ THỐNG SAU KHI HOÀN THIỆN.

KẾT LUẬN

Với mục tiêu hoàn thiện Hệ thống XHTD doanh nghiệp của BIDV hiện hành, mà theo đánh giá của luận văn là còn một số hạn chế, làm cho kết quả XHTD phản ánh thực chất hơn mức độ rủi ro khi cho vay, để từ đó nâng cao hơn nữa công tác quản trị rủi ro tín dụng, thực hiện chính sách khách hàng của BIDV, đề tài **“Hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam”** đã giải quyết được các vấn đề sau:

- Hệ thống hoá rủi ro tín dụng, đo lường rủi ro tín dụng, từ đó cho thấy rằng việc XHTD khách hàng là cần thiết trong công tác quản trị rủi ro tín dụng.

- Hệ thống hoá cơ sở lý luận về XHTD doanh nghiệp vay vốn ngân hàng, nguyên tắc và các chỉ tiêu thường dùng để xếp hạng, kinh nghiệm xếp hạng trên thế giới từ đó đưa ra bài học cho Việt Nam.

- Phân tích đánh giá thực trạng hệ thống XHTD tại BIDV, nghiên cứu hệ thống XHTD của các tổ chức khác như CIC, Vietcombank ... kết hợp với kinh nghiệm xếp hạng của các tổ chức lớn, có uy tín và của các nước trên thế giới để từ đó đưa ra các kiến nghị hoàn thiện hệ thống xếp hạng.

- Các kiến nghị để hoàn thiện hệ thống xếp hạng bao gồm đối với nhà nước và đối với BIDV. Các kiến nghị đối với nhà nước có tính tổng quát, vĩ mô, có tác dụng hỗ trợ cho việc thực thi XHTD hoạt động hiệu quả. Các giải pháp đối với BIDV là cụ thể, chi tiết căn cứ vào những hạn chế của hệ thống XHTD hiện hành.

- Từ những kiến nghị để hoàn thiện hệ thống XHTD, luận văn đã xây dựng một hệ thống XHTD mới thay thế cho hệ thống XHTD hiện hành. Khi XHTD theo phương pháp XHTD mới chắc chắn kết

quả xếp hạng sẽ phản ánh chính xác hơn tình hình hoạt động của khách hàng.

- Từ kết quả XHTD đạt được luận văn đã xây dựng một chính sách cấp tín dụng đồng bộ, đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, dễ áp dụng, đảm bảo tính cạnh tranh để có thể áp dụng ngay tại BIDV.

Trong khuôn khổ của đề tài, luận văn còn hạn chế là chưa xem xét đến hệ thống XHTD cá nhân và tổ chức tín dụng... Để hệ thống XHTD nội bộ của BIDV hoàn thiện hơn, áp dụng được cho mọi đối tượng là khách hàng có quan hệ tín dụng với BIDV trong thời gian tới cần tiếp tục nghiên cứu những vấn đề chưa giải quyết triệt để trong phạm vi luận văn này.